



Report N°: 0000278041

Page N° 1/19

Ho Chi Minh City, Date: August 21, 2023  
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 21/08/2023

**ANALYSIS REPORT**  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

**JOB NO.: 2308A-1841**  
Đơn hàng: 2308A-1841

**CLIENT'S NAME** : **HAGIMEX JSC**  
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HAGIMEX

**CLIENT'S ADDRESS** : **BIEN HOA INDUSTRIAL COMPLEX, NGOC SON COMMUNE, KIM BANG DISTRICT,**  
Địa chỉ : **HA NAM PROVINCE, VIETNAM**  
**CỤM CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA, NGỌC SƠN, KIM BẮNG, HÀ NAM, VIỆT NAM**

**SAMPLE INFORMATION:**  
THÔNG TIN MẪU

**Sampled/ Submitted by** : **Client**  
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

**Client's reference** : **Mẫu vải: ISK14.06.2023**  
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : **Food (approx. 661g) in tin can**  
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 661g) chứa trong lon thiếc

**Sample ID** : **2308A-1841.001**  
Mã số mẫu

**Date sample(s) received** : August 17, 2023  
Ngày nhận mẫu : 17/08/2023

**Testing period** : August 17, 2023 - August 21, 2023  
Thời gian thử nghiệm : 17/08/2023 - 21/08/2023

**Test(s) requested** : As applicant's requirement  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : Please refer to the next page(s)  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."



Report N°: 0000278041

Page N° 2/19

## TEST RESULT(S)

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
1. Pesticides by LC & GC-MS/MS <sup>(w)</sup> Thuốc bảo vệ thực vật bởi LC & GC-MS/MS	Refer to the note Tham khảo phần ghi chú	Not Detected Không phát hiện	-	-	mg/kg	

### Note/Ghi chú:

- The methods/analytes remarked with an asterisk (\*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.  
*Phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*) chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.*
- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (\*) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (\*\*) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.  
*Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên (\*) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (\*\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- (w) Values below or equal to limit of detection, unless listed above. The test items are listed in the annex enclosed.  
*Nếu không được liệt kê bên trên thì những chất được kiểm nghiệm nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn phát hiện. Các chỉ tiêu thử nghiệm được liệt kê trong phụ lục kèm theo.*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- Analysis method:
  - LFOD-TST-SOP-8425 (Herbicide acids)
  - EN 15662:2018 (others)

#### PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."

PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:					Unit/ Đơn vị: mg/kg				
No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1	1-Naphthol	90-15-3	0.003	0.01	2	1-Naphthylacetamide	86-86-2	0.003	0.01
3	1-Naphthylacetic acid	86-87-3	0.01	0.03	4	1-Naphthylacetamide and 1-naphthylacetic acid (sum of 1-naphthylacetamide and 1-naphthylacetic acid and its salts, expressed as 1-naphthylacetic acid)	86-87-3	_(a)	_(a)
5	2,4,5-T (sum of 2,4,5-T, its salts and esters, expressed as 2,4,5-T)	93-76-5	0.003	0.01	6	2,4,5-TP	93-72-1	0.003	0.01
7	2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D)	94-75-7	0.003	0.01	8	2,4-DB (sum of 2,4-DB, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-DB)	94-82-6	0.01	0.03
9	2,4-DP (sum of dichlorprop (including dichlorprop-P) and its conjugates, expressed as dichlorprop)	120-36-5	0.003	0.01	10	2,5-dichlorobenzoic acid methylester (sum of 2,5-dichlorobenzoic acid and its ester expressed as 2,5-dichlorobenzoic acid methylester)	2905-69-3	0.003	0.01
11	2,6-Dichlorobenzamide	2008-58-4	0.003	0.01	12	2,6-Disopropyl-naphthalene	24157-81-1	0.003	0.01
13	2-Naphthol	135-19-3	0.01	0.03	14	2-Naphthoxyacetic acid	120-23-0	0.003	0.01
15	3-decen-2-one	10519-33-2	0.003	0.01	16	3-Hydroxycarbofuran	16655-82-6	0.0003	0.001
17	3-Indoleacetic acid	87-51-4	0.01	0.03	18	4-(Methylsulfonyl)-2-nitrobenzoic acid	110964-79-9	0.01	0.03
19	4-(Trifluoromethyl)-3- Pyridinecarboxylic acid (TFNA) <sup>(*)</sup>	158063-66-2	0.01	0.02	20	4-(Trifluoromethyl)nicotinamide (TFNA-AM)	158062-71-6	0.003	0.01
21	4-(Trifluoromethyl)nicotinoyl Glycine (TFNG) <sup>(*)</sup>	207502-65-6	0.01	0.02	22	4-Chlorophenoxyacetic acid (4-CPA)	122-88-3	0.003	0.01
23	Abamectin (sum of avermectin B1a, avermectin B1b and 8,9-Z-Abamectin B1a, expressed as avermectin B1a) <sup>(*)</sup>	65195-55-3	_(a)	_(a)	24	Abamectin B1a (sum of Avermectin B1a and 8,9-Z-Abamectin B1a, expressed as Abamectin B1a) <sup>(*)</sup>	65195-55-3	0.002	0.005
25	Abamectin B1b (Avermectin B1b) <sup>(*)</sup>	65195-56-4	0.01	0.02	26	Acephate	30560-19-1	0.003	0.01
27	Acequinocyl <sup>(*)</sup>	57960-19-7	0.01	0.02	28	Acequinocyl-hydroxy <sup>(*)</sup>	57960-31-3	0.01	0.03
29	Acetamidrid	135410-20-7	0.003	0.01	30	Acetochlor	34256-82-1	0.003	0.01
31	Acetochlor (sum of acetochlor, and 2-ethyl-6-methylaniline (EMA), 2-(1-hydroxyethyl)-6-methyl-aniline (HEMA), expressed as acetochlor) <sup>(*)</sup>	34256-82-1	_(a)	_(a)	32	Acibenzolar-S-methyl (sum of acibenzolar-S-methyl and acibenzolar acid (free and conjugated), expressed as acibenzolar-S-methyl)	135158-54-2	0.01	0.02
33	Acibenzolar-S-methyl <sup>(*)</sup>	135158-54-2	0.01	0.02	34	Acifluorfen (including acifluorfen and its esters: acifluorfen-methyl, Fluoroglycofen, fluoroglycofen-ethyl, lactofen..., expressed as Acifluorfen)	50594-66-6	0.003	0.01
35	Aclonifen	74070-46-5	0.003	0.01	36	Acrinathrin	101007-06-1	0.003	0.01
37	Afidopyropen <sup>(*)</sup>	915972-17-7	0.01	0.02	38	Akton <sup>(*)</sup>	1757-18-2	0.003	0.01
39	Alachlor	15972-60-8	0.003	0.01	40	Alanycarb	83130-01-2	0.01	0.03
41	Albendazole	54965-21-8	0.003	0.01	42	Aldicarb	116-06-3	0.003	0.01
43	Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb)	116-06-3	_(a)	_(a)	44	Aldicarb sulfone	1646-88-4	0.003	0.01
45	Aldicarb sulfoxide	1646-87-3	0.003	0.01	46	Aldrin	309-00-2	0.003	0.01
47	Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin)	309-00-2	_(a)	_(a)	48	Allethrin (included S-Bioallethrin and Bioallethrin)	584-79-2	0.003	0.01
49	Allidochlor	93-71-0	0.003	0.01	50	Alloxydim	55634-91-8	0.003	0.01
51	Ametoctradin	865318-97-4	0.003	0.01	52	Ametryn	834-12-8	0.003	0.01
53	Amicarbazone	129909-90-6	0.01	0.03	54	Amidithion <sup>(*)</sup>	919-76-6	0.003	0.01
55	Amidosulfuron	120923-37-7	0.003	0.01	56	Aminocarb	2032-59-9	0.003	0.01
57	Aminocyclopyrachlor	858956-08-8	0.01	0.03	58	Aminopyralid	150114-71-9	0.01	0.03
59	Amisulbrom	348635-87-0	0.003	0.01	60	Amitraz <sup>(*)</sup>	33089-61-1	0.003	0.01
61	Amitraz (sum of Amitraz and its metabolites (Amitraz Metabolite A, Amitraz Metabolite B, and 2,4-dimethylaniline), expressed as amitraz) <sup>(*)</sup>	33089-61-1	_(a)	_(a)	62	Amitraz (sum of amitraz and N-(2,4-xylyl)-N'-methyl-formamidine (BTS 27271), expressed as amitraz) <sup>(*)</sup>	33089-61-1	_(a)	_(a)
63	Amitraz Metabolite A (BTS 27919)	60397-77-5	0.003	0.01	64	Amitraz Metabolite B (BTS 27271)	33089-74-6	0.003	0.01

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.















PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:

Unit/ Đơn vị: mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
441	Etoxadole	153233-91-1	0.003	0.01	442	Etridiazole	2593-15-9	0.003	0.01
443	Etrimfos	38260-54-7	0.003	0.01	444	Famoxadone	131807-57-3	0.003	0.01
445	Famphur	52-85-7	0.003	0.01	446	Fenamidone	161326-34-7	0.003	0.01
447	Fenamiphos	22224-92-6	0.003	0.01	448	Fenamiphos (sum of fenamiphos and its sulfoxide and sulfone expressed as fenamiphos)	22224-92-6	_(a)	_(a)
449	Fenamiphos sulfone	31972-44-8	0.003	0.01	450	Fenamiphos sulfoxide	31972-43-7	0.003	0.01
451	Fenarimol	60168-88-9	0.003	0.01	452	Fenazaquin	120928-09-8	0.003	0.01
453	Fenazox	495-48-7	0.003	0.01	454	Fenbuconazole	114369-43-6	0.003	0.01
455	Fenchlorazole-ethyl <sup>(*)</sup>	103112-35-2	0.003	0.01	456	Fenchlorphos	299-84-3	0.003	0.01
457	Fenchlorphos (sum of fenchlorphos and fenchlorphos oxon expressed as fenchlorphos)	299-84-3	_(a)	_(a)	458	Fenchlorphos oxon	3983-45-7	0.003	0.01
459	Fenclorim	3740-92-9	0.003	0.01	460	Fenfuthrin	75867-00-4	0.003	0.01
461	Fenfuram	24691-80-3	0.003	0.01	462	Fenhexamid	126833-17-8	0.003	0.01
463	Fenitrothion (MEP)	122-14-5	0.003	0.01	464	Fenobucarb	3766-81-2	0.003	0.01
465	Fenothiocarb	62850-32-2	0.003	0.01	466	Fenoxanil	115852-48-7	0.003	0.01
467	Fenoxaprop-ethyl (sum of Fenoxaprop-ethyl and Fenoxaprop-P-ethyl)	66441-23-4 & 71283-80-2	0.003	0.01	468	Fenoxaprop-P (sum of all the constituent isomers of Fenoxaprop, its esters and its conjugates, expressed as Fenoxaprop-P)	113158-40-0	0.01	0.02
469	Fenoxycarb	72490-01-8	0.003	0.01	470	Fenpiclonil	74738-17-3	0.003	0.01
471	Fenpicoxamid	517875-34-2	0.003	0.01	472	Fenpropathrin	39515-41-8	0.003	0.01
473	Fenpropidin (sum of fenpropidin and its salts, expressed as fenpropidin)	67306-00-7	0.003	0.01	474	Fenpropimorph (sum of isomers)	67564-91-4	0.003	0.01
475	Fenpyrazamine	473798-59-3	0.003	0.01	476	Fenpyroximate	134098-61-6	0.003	0.01
477	Fenquinotrione <sup>(*)</sup>	1342891-70-6	0.003	0.01	478	Fenson	80-38-6	0.003	0.01
479	Fensulfthion	115-90-2	0.003	0.01	480	Fensulfthion-oxon	6552-21-2	0.003	0.01
481	Fensulfthion-oxon-sulfone	6132-17-8	0.003	0.01	482	Fensulfthion-sulfone	14255-72-2	0.003	0.01
483	Fenthion	55-38-9	0.003	0.01	484	Fenthion (sum of fenthion and its oxygen analogue, their sulfoxides and sulfone expressed as parent)	55-38-9	_(a)	_(a)
485	Fenthion sulfone	3761-42-0	0.003	0.01	486	Fenthion sulfoxide	3761-41-9	0.003	0.01
487	Fenthion-oxon	6552-12-1	0.003	0.01	488	Fenthion-oxon-sulfone	14086-35-2	0.003	0.01
489	Fenthion-oxon-sulfoxide	6552-13-2	0.003	0.01	490	Fentrazamide	158237-07-1	0.003	0.01
491	Fenuron	101-42-8	0.003	0.01	492	Fenvalerate (any ratio of constituent isomers (RR, SS, RS & SR) including esfenvalerate)	51630-58-1	0.003	0.01
493	Ferimzone (sum fo E- and Z-isomers)	89269-64-7	0.003	0.01	494	Fipronil	120068-37-3	0.0003	0.001
495	Fipronil (sum of fipronil and sulfone metabolite expressed as fipronil)	120068-37-3	_(a)	_(a)	496	Fipronil desulfinyl	205650-65-3	0.0003	0.001
497	Fipronil sulfide	120067-83-6	0.0003	0.001	498	Fipronil Sulfone	120068-36-2	0.0003	0.001
499	Flamprop (sum of Flamprop free acid, its salts and esters, expressed as Flamprop)	58667-63-3	0.003	0.01	500	Flazasulfuron	104040-78-0	0.003	0.01
501	Flocoumafen	90035-08-8	0.01	0.03	502	Flometoquin <sup>(*)</sup>	875775-74-9	0.003	0.01
503	Flonicamid	158062-67-0	0.003	0.01	504	Flonicamid (sum of flonicamid, TFNG and TFNA expressed as Flonicamid <sup>(*)</sup> )	158062-67-0	_(a)	_(a)
505	Florasulam	145701-23-1	0.003	0.01	506	Florpyrauxifen-benzyl	1390661-72-9	0.003	0.01
507	Fluacrypyrim	229977-93-9	0.003	0.01	508	Fluazifop-P (sum of all the constituent isomers of fluazifop, its esters and its conjugates, expressed as fluazifop)	69335-91-7	0.003	0.01
509	Fluazifop-P-butyl (included Fluazifop-butyl)	79241-46-6	0.003	0.01	510	Fluazinam <sup>(*)</sup>	79622-59-6	0.003	0.01
511	Fluazolate <sup>(*)</sup>	174514-07-9	0.003	0.01	512	Fluazuron	86811-58-7	0.003	0.01
513	Flubendazole	31430-15-6	0.003	0.01	514	Flubendiamide <sup>(*)</sup>	272451-65-7	0.01	0.02

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:

Unit/ Đơn vị: mg/kg

Table with 10 columns: No, Name, CAS No., LOD, LOQ. It lists various pesticides such as Flucetosulfuron, Flucycloxuron, Fludioxonil, Flufenacet, Flufenpyr-ethyl, Fluidapyr, Flumethrin, Flumetsulam, Flumioxazin, Fluometuron, Fluopyram, Fluoroglycofen-ethyl, Fluotrimazole, Flupoxam, Flupyrsulfuron-methyl, Flurenol-butyl, Flurochloridone, Fluroxypyr-meptyl, Flurtamone, Flusulfamide, Flutianil, Flutriafol, Fluxametamide, Fomesafen, Foramsulfuron, Formetanate, Fosthiazate, Fuberidazole, Furametpyr, Furmecycloxy, Gibberellic acid, Halauxifen-methyl, Halfenprox, Halosulfuron-methyl, Haloxyfop-methyl, HCH (BHC)-beta, HCH (BHC)-epsilon, HEMA, Heptachlor, Fluchloralin, Flucythrinate, Fluensulfone, Flufenoxuron, Flufiprole, Flumequine, Flumetralin, Flumiclorac-pentyl, Flumorph, Fluopicolide, Fluorodifen, Fluoronitrofen, Fluoxastrobin, Flupyradifurone, Fluquinconazole, Fluridone, Fluroxypyr, Flurprimidol, Flusilazole, Fluthiacet-methyl, Flutolanil, Fluvalinate, Fluxapyroxad, Fonofos, Forchlorfenuron, Formothion, Fosthietan, Furalaxyl, Furilazole, Genite, Halauxifen, Halauxifen-methyl, Halofenozide, Haloxyfop, HCH (BHC)-alpha, HCH (BHC)-delta, HCH (BHC)-gamma, Heptachlor, and Heptachlor endo-epoxide.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.













PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:					Unit/ Đơn vị: mg/kg				
No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
967	Quiazalofop-ethyl	76578-14-8	0.003	0.01	968	Rabenzazole <sup>(*)</sup>	40341-04-6	0.003	0.01
969	Resmethrin (sum)	10453-86-8	0.003	0.01	970	Rimsulfuron	122931-48-0	0.003	0.01
971	Ronidazole	7681-76-7	0.003	0.01	972	Rotenone	83-79-4	0.003	0.01
973	S421	127-90-2	0.003	0.01	974	Saflufenacil	372137-35-4	0.003	0.01
975	Saflufenacil (sum of saflufenacil, M800H11 and M800H35, expressed as saflufenacil)	372137-35-4	_(a)	_(a)	976	Saflufenacil Metabolite M800H11 <sup>(*)</sup>	1246768-30-8	0.01	0.02
977	Saflufenacil Metabolite M800H35 <sup>(*)</sup>	1246768-31-9	0.01	0.02	978	Schradan <sup>(*)</sup>	152-16-9	0.003	0.01
979	Sebuthylazine	7286-69-3	0.003	0.01	980	Secbumeton	26259-45-0	0.003	0.01
981	Sedaxane (sum of cis- and trans-isomers)	874967-67-6	0.003	0.01	982	Sethoxydim	74051-80-2	0.003	0.01
983	Siduron	1982-49-6	0.003	0.01	984	Silafluofen	105024-66-6	0.003	0.01
985	Silthiofam	175217-20-6	0.003	0.01	986	Simazine	122-34-9	0.003	0.01
987	Simeconazole	149508-90-7	0.003	0.01	988	Simetryn	1014-70-6	0.003	0.01
989	Sintofen <sup>(*)</sup>	130561-48-7	0.003	0.01	990	Spinetoram (sum of 175-J + 175-L)	187166-40-1	_(a)	_(a)
991	Spinetoram 175-J	187166-40-1	0.003	0.01			187166-15-0		
993	Spinosad (sum of spinosyn A + D)	168316-95-8	_(a)	_(a)	992	Spinetoram 175-L	187166-15-0	0.003	0.01
995	Spinosyn D	131929-63-0	0.003	0.01	994	Spinosyn A	131929-60-7	0.003	0.01
997	Spiromesifen <sup>(*)</sup>	283594-90-1	0.01	0.02	996	Spirodiclofen <sup>(*)</sup>	148477-71-8	0.01	0.02
999	Spirotetramat (sum of spirotetramat and its 4 metabolites Spirotetramat-enol, Spirotetramat-keto- hydroxy, Spirotetramat-enol-glucoside, Spirotetramat-mono- hydroxy, expressed as spirotetramat <sup>(*)</sup> )	203313-25-1	_(a)	_(a)	998	Spirotetramat <sup>(*)</sup>	203313-25-1	0.003	0.01
1001	Spirotetramat-enol <sup>(*)</sup>	203312-38-3	0.003	0.01	1000	Spirotetramat and spirotetramat-enol (sum, expressed as spirotetramat <sup>(*)</sup> )	203313-25-1	_(a)	_(a)
1003	Spirotetramat-keto- hydroxy	1172134-11-0	0.003	0.01	1002	Spirotetramat-enol- glucoside	1172614-86-6	0.003	0.01
1005	Spiroxamine (sum of isomers)	118134-30-8	0.003	0.01	1004	Spirotetramat-mono- hydroxy	1172-134-12-1	0.003	0.01
1007	Sulfallate <sup>(*)</sup>	152-16-9	0.003	0.01	1006	Sulcotrione	99105-77-8	0.003	0.01
1009	Sulfentrazone	122836-35-5	0.003	0.01	1008	Sulfaquinoxaline	59-40-5	0.003	0.01
1011	Sulfosulfuron	141776-32-1	0.003	0.01	1010	Sulfuramid <sup>(*)</sup>	4151-50-2	0.01	0.03
1013	Sulfoxaflor (sum of isomers)	946578-00-3	0.003	0.01	1012	Sulfotep	3689-24-5	0.003	0.01
1015	TDE (DDD), p,p'-	72-54-8	0.003	0.01	1014	Sulprofos	35400-43-2	0.003	0.01
1017	Tebufenozide	112410-23-8	0.003	0.01	1016	Tebuconazole	107534-96-3	0.003	0.01
1019	Tebufoquin <sup>(*)</sup>	376645-78-2	0.003	0.01	1018	Tebufenpyrad	119168-77-3	0.003	0.01
1021	Tebufoquin M1 <sup>(*)</sup>	1403836-05-4	0.003	0.01	1020	Tebufoquin (sum of tebufoquin and tebufoquinM1, expressed as tebufoquin <sup>(*)</sup> )	376645-78-2	_(a)	_(a)
1023	Tebutam	35256-85-0	0.003	0.01			1403836-05-4		
1025	Tecloftalam	76280-91-6	0.01	0.03	1022	Tebupirimfos	96182-53-5	0.003	0.01
1027	Teflubenzuron	83121-18-0	0.003	0.01	1024	Tebuthiuron	34014-18-1	0.003	0.01
1029	Tefuryltrione	473278-76-1	0.003	0.01	1026	Tecnazene	117-18-0	0.003	0.01
1031	Temphos	3383-96-8	0.003	0.01	1028	Tefluthrin (tefluthrin including other mixtures of constituent isomers (sum of isomers))	79538-32-2	0.003	0.01
1033	Tepraloxymid	14997941-9	0.003	0.01	1030	Tembotrione	335104-84-2	0.01	0.03
1035	Tepraloxymid (sum of tepraloxymid and its metabolites that can be hydrolysed to the moiety 3-(tetrahydro-pyran-4-yl)-glutaric acid, expressed as tepraloxymid)	14997941-9	0.01	0.03	1032	TEPP	107-49-3	0.01	0.03
					1034	Tepraloxymid Metabolite GP	1798310-47-0	0.01	0.03
					1036	Terbacil	5902-51-2	0.003	0.01

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:					Unit/ Đơn vị: mg/kg				
No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1037	Terbucarb	1918-11-2	0.003	0.01	1038	Terbufos	13071-79-9	0.003	0.01
1039	Terbufos (sum of terbufos, its oxygen analogue and their sulfoxides and sulfones, expressed as terbufos) <sup>(*)</sup>	13071-79-9	_(a)	_(a)	1040	Terbufos-oxon <sup>(*)</sup>	56070-14-5	0.003	0.01
1041	Terbufos-oxon-sulfone <sup>(*)</sup>	56070-15-6	0.003	0.01	1042	Terbufos-oxon-sulfoxide <sup>(*)</sup>	56165-57-2	0.003	0.01
1043	Terbufos-sulfone	56070-16-7	0.003	0.01	1044	Terbufos-sulfoxide	10548-10-4	0.003	0.01
1045	Terbumeton	33693-04-8	0.003	0.01	1046	Terbutylazine	5915-41-3	0.003	0.01
1047	Terbutylazine, desethyl-	30125-63-4	0.003	0.01	1048	Terbutryn	886-50-0	0.003	0.01
1049	Tetrachloroaniline, 2,3,5,6-	3481-20-7	0.003	0.01	1050	Tetrachlorophenol, 2,3,4,6- <sup>(*)</sup>	58-90-2	0.01	0.03
1051	Tetrachlorvinphos	22248-79-9	0.003	0.01	1052	Tetraconazole	112281-77-3	0.003	0.01
1053	Tetradifon	116-29-0	0.003	0.01	1054	Tetramethrin (sum of isomers)	7696-12-0	0.003	0.01
1055	Tetraniliprole <sup>(*)</sup>	1229654-66-3	0.003	0.01	1056	Tetrasul	2227-13-6	0.003	0.01
1057	Thenylchlor	96491-05-3	0.003	0.01	1058	Thiabendazole	148-79-8	0.003	0.01
1059	Thiabendazole, 5-hydroxy- <sup>(*)</sup>	948-71-0	0.003	0.01	1060	Thiacloprid	111988-49-9	0.003	0.01
1061	Thiamethoxam	153719-23-4	0.003	0.01	1062	Thiazopyr	117718-60-2	0.003	0.01
1063	Thidiazuron	51707-55-2	0.003	0.01	1064	Thifensulfuron-methyl	79277-27-3	0.003	0.01
1065	Thifluzamide	130000-40-7	0.003	0.01	1066	Thiobencarb (Benthiocarb)	28249-77-6	0.003	0.01
1067	Thiocyclam	31895-21-3	0.01	0.03	1068	Thiodicarb <sup>(*)</sup>	59669-26-0	0.01	0.02
1069	Thiofanox	39196-18-4	0.003	0.01	1070	Thiofanox-sulfone	39184-59-3	0.003	0.01
1071	Thiofanox-sulfoxide	39184-27-5	0.003	0.01	1072	Thiometon	640-15-3	0.003	0.01
1073	Thionazin	297-97-2	0.003	0.01	1074	Thiophanate-methyl	23564-05-8	0.003	0.01
1075	Thiram <sup>(*)</sup>	137-26-8	0.01	0.03	1076	Tiadinil	223580-51-6	0.003	0.01
1077	Tiafenacil	1220411-29-9	0.003	0.01	1078	Tiocabazil	36756-79-3	0.003	0.01
1079	Tioxazafen <sup>(*)</sup>	330459-31-9	0.003	0.01	1080	Tolclofos-methyl	57018-04-9	0.003	0.01
1081	Tolfenpyrad	129558-76-5	0.003	0.01	1082	Tolpyralate <sup>(*)</sup>	1101132-67-5	0.003	0.01
1083	Tolyfluanid <sup>(*)</sup>	731-27-1	0.01	0.03	1084	Tolyfluanid (sum of tolyfluanid and dimethylaminosulfotoluidide (DMST) expressed as tolyfluanid) <sup>(*)</sup>	731-27-1	_(a)	_(a)
1085	Topramezone	210631-68-8	0.003	0.01	1086	Tralkoxydim (sum of isomers)	87820-88-0	0.003	0.01
1087	Transfluthrin	118712-89-3	0.003	0.01	1088	Triadimefon	43121-43-3	0.003	0.01
1089	Triadimenol (any ratio of constituent isomers)	55219-65-3	0.003	0.01	1090	Triadimenol (sum of Triadimenol including Triadimenol generated from Triadimefon expressed as Triadimenol)	55219-65-3	_(a)	_(a)
1091	Triafamone	874195-61-6	0.003	0.01	1092	Triallate	2303-17-5	0.003	0.01
1093	Triamiphos <sup>(*)</sup>	1031-47-6	0.003	0.01	1094	Triasulfuron	82097-50-5	0.003	0.01
1095	Triazamate <sup>(*)</sup>	112143-82-5	0.003	0.01	1096	Triazophos	24017-47-8	0.003	0.01
1097	Triazoxide <sup>(*)</sup>	72459-58-6	0.003	0.01	1098	Tribenuron methyl <sup>(*)</sup>	101200-48-0	0.01	0.03
1099	Tribufos (DEF)	78-48-8	0.003	0.01	1100	Tributylphosphate <sup>(*)</sup>	126-73-8	0.003	0.01
1101	Trichlamide <sup>(*)</sup>	70193-21-4	0.003	0.01	1102	Trichlorfon	52-68-6	0.003	0.01
1103	Trichlorobenzene, 1,2,3-	87-61-6	0.003	0.01	1104	Trichlorobenzene, 1,2,4-	120-82-1	0.003	0.01
1105	Trichlorobenzene, 1,3,5-	108-70-3	0.003	0.01	1106	Trichloronate	327-98-0	0.003	0.01
1107	Trichlorophenol, 2,4,6- <sup>(*)</sup>	88-06-02	0.003	0.01	1108	Triclopyr	55335-06-3	0.003	0.01
1109	Triclopyr-2-Butoxyethyl	64700-56-7	0.003	0.01	1110	Triclosan	3380-34-5	0.01	0.03
1111	Tricyclazole	41814-78-2	0.003	0.01	1112	Tridemorph (determined and expressed as 2,6-Dimethyl-4-tridecylmorpholine)	81412-43-3	0.003	0.01
1113	Tridiphane	58138-08-2	0.01	0.03	1114	Trietazine <sup>(*)</sup>	1912-26-1	0.003	0.01
1115	Trifloxystrobin	141517-21-7	0.003	0.01	1116	Trifloxysulfuron	145099-21-4	0.003	0.01

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:					Unit/ Đơn vị: mg/kg				
No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1117	Triflumezopyrim	1263133-33-0	0.003	0.01	1118	Triflumizole	68694-11-1	0.003	0.01
1119	Triflumizole (sum of Triflumizole and metabolite FM-6-1 (N-(4-chloro-2-trifluoromethylphenyl)-n-propoxyacetamide), expressed as Triflumizole)	68694-11-1	_(a)	_(a)	1120	Triflumizole metabolite FM-6-1	131549-75-2	0.003	0.01
1121	Triflumuron	64628-44-0	0.003	0.01	1122	Trifluralin	1582-09-8	0.003	0.01
1123	Triflurosulfuron Metabolite IN-M7222	1418095-28-9	0.003	0.01	1124	Triflurosulfuron-methyl	126535-15-7	0.003	0.01
1125	Triforine <sup>(*)</sup>	26644-46-2	0.01	0.03	1126	Trimethacarb (sum of 2,3,5- and 3,4,5-Trimethacarb)	2655-15-4 & 2686-99-9	_(a)	_(a)
1127	Trimethacarb, 2,3,5-	2655-15-4	0.003	0.01	1128	Trimethacarb, 3,4,5-	2686-99-9	0.003	0.01
1129	Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac)	104273-73-6	0.003	0.01	1130	Tris(2-chloroethyl) phosphate <sup>(*)</sup>	115-96-8	0.003	0.01
1131	Triticonazole	131983-72-7	0.003	0.01	1132	Tritosulfuron	142469-14-5	0.01	0.03
1133	Tritosulfuron Metabolite AMTT	5311-05-7	0.003	0.01	1134	TZ-1E ((E)-Picarbutrazox) <sup>(*)</sup>	1253511-94-2	0.003	0.01
1135	Uniconazole	83657-22-1	0.003	0.01	1136	Valifenalate	283159-90-0	0.003	0.01
1137	Vamidothion	2275-23-2	0.003	0.01	1138	Vamidothion-sulfone	70898-34-9	0.003	0.01
1139	Vamidothion-sulfoxide	20300-00-9	0.003	0.01	1140	Vernolate <sup>(*)</sup>	1929-77-7	0.003	0.01
1141	Vinclozolin	50471-44-8	0.003	0.01	1142	Warfarin <sup>(*)</sup>	81-81-2	0.001	0.003
1143	XMC (3,5-Xylyl methyl Carbamate)	2655-14-3	0.003	0.01	1144	Ziram	137-30-4	0.003	0.01
1145	Zoxamide	156052-68-5	0.003	0.01					

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD**  
 Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
 Lâm Văn Xự



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.